

Số: 08/2025/QĐST -HNGĐ

L, ngày 05 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - L

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ **việc Hôn nhân và gia đình** thụ lý số **17/2025/TLST-HNGĐ** ngày **10 tháng 7 năm 2025** về việc “**Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn**”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Một bên là: Bà **Nguyễn Thị Ph**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số A412 Chung cư Mạc Đĩnh Ch, Phường 4, thành phố Đ (Nay là **Phường Xuân H - Đ**), tỉnh L

Và một bên là: Ông **Nguyễn Đăng, C** sinh năm: 1980.

Địa chỉ: B28 Khu dân cư 2, Khu phố 2, phường Long B, thành phố Biên H (Nay là **phường Long B**), tỉnh Đồng N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Đăng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, bà Ph và ông C đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại **UBND phường Long B, thành phố Biên H (Nay là phường Long B), tỉnh Đồng N** vào ngày 18/6/2018. Do đó, hôn nhân giữa bà Ph và ông C là hợp pháp.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân theo bà Ph và ông C trình bày thì: Sau khi kết hôn, bà Ph và ông C chung sống với nhau tại số B28 Khu dân cư 2, Khu phố 2, phường Long B, thành phố Biên H (Nay là phường Long B), tỉnh Đồng N. Đến đầu năm 2019 thì bà Ph chuyển về Đ còn ông Cường vẫn sinh sống, làm việc tại Đồng N cho đến nay. Do hoàn cảnh gia đình và công việc làm cho **vợ chồng** không có điều kiện chung sống một nơi, cùng nhau xây dựng gia đình. Ông bà đã nhiều lần trao đổi, bàn bạc nhưng không có sự thống nhất dẫn đến tình cảm của

vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại cả bà Ph và ông C đều xác định không thể tiếp tục cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nên ông bà đồng thuận ly hôn.

Qua đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Ph và ông C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn của bà P và ông C.

[2] Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phương Tuệ A, sinh ngày: 29/5/2019.

Hiện con đang sống chung cùng với bà Phước tại số A412 Chung cư Mạc Đĩnh Chi, Phường 4, thành phố Đ (Nay là Phường Xuân H - Đ), tỉnh Lâm Đ.

Khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng, ông C sẽ thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thành niên với số tiền là 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng/tháng), thời gian thực hiện cấp dưỡng tháng 8/2025.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Phước và ông C cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Ph và ông C thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Đăng C thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phương Tuệ Anh, sinh ngày: 29/5/2019.

Khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con cho bà Nguyễn Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Đăng C thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thành niên với số tiền là 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng/tháng), thời gian thực hiện cấp dưỡng tháng 8/2025

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án.

- **Về tài sản chung:** Ông Ph và ông C cùng xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Đăng C cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Đăng C thỏa thuận chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu số 0000123 ngày 09/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L; Bà Ph và ông C đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh L;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – L;
- Phòng THA dân sự Khu vực 1 - Lâm Đồng;
- UBND phường L, thành phố Biên H
(*Nay là phường L*), tỉnh Đồng N;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đặng Thị Thới